

Bản án số: 107/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 21 - 08 - 2024.

V/v: “ Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Mạnh Trường

Bà Nguyễn Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Ngày 21 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở TAND huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2024/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 05 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 08 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T; sinh năm 1994; Nơi ĐKKHKT: Thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định; Hiện trú tại: Xóm V, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1; sinh năm 1992; Nơi cư trú: TDP H, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị T, anh T1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hoà giải, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn vào ngày 19/06/2017 được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi chị sinh con được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bạo lực gia đình. Ngày 17/05/2024, anh T1 có hành vi bạo lực đối với chị khiến chị phải vào viện điều trị từ ngày 22/05/2024 đến ngày 27/05/2024. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ ngày 18/05/2024 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm

vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên chị đề nghị Toà án giải quyết ly hôn.

Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 13/01/2019. Hiện con chung đang ở cùng với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện tại chị đang làm tại Xưởng may L, địa chỉ tại Xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Thu nhập hàng tháng khoảng 7 triệu đến 8 triệu đồng. Mẹ con chị đang ở cùng với bố mẹ chị tại xã V. Nhà ở là nhà 02 tầng, nhà rộng rãi, có đầy đủ phòng cho mẹ con chị sinh hoạt và học tập. Con chung Nguyễn Hải Đ đang học tập tại Trường Mầm non xã V.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, vợ chồng tự thoả thuận nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hoà giải, bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 trình bày:

Quá trình chung sống và thời điểm kết hôn như chị T trình bày. Vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn về kinh tế. Khoảng tháng 5 năm 2024, vợ chồng anh có cãi nhau và xảy ra xô sát. Từ đó chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 13/01/2019. Hiện con chung đang ở cùng với chị T. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện tại anh đang làm công nhân của công ty G, địa chỉ tại thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Thu nhập hàng tháng khoảng 9 triệu đến 10 triệu đồng. Anh đang ở cùng với bố mẹ đẻ tại thị trấn C. Nhà ở hai tầng, diện tích mặt sàn khoảng 100m². Đầy đủ điều kiện cho con chung sinh hoạt và học tập.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, vợ chồng tự thoả thuận nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà:

Anh T1, chị T nhất trí ly hôn, đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn được biết. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71, 72 BLTTDS;

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn vào ngày 19/06/2017 được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 05/2024 đến nay.

Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên chị đề nghị Toà án giải quyết ly hôn. Anh T1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh T1 đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên việc chị T xin ly hôn, anh T1 đồng ý là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 13/01/2019. Hiện con chung đang ở cùng với chị T. Khi ly hôn cả hai đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng.

Chị T trình bày: Hiện tại chị đang làm tại Xưởng may L, địa chỉ tại Xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Thu nhập hàng tháng khoảng 7 triệu đến 8 triệu đồng. Mẹ con chị đang ở cùng với bố mẹ đẻ tại xã V. Nhà ở của bố mẹ chị là nhà 02 tầng, nhà rộng rãi, có đầy đủ phòng cho mẹ con chị sinh hoạt và học tập. Con chung Nguyễn Hải Đ đang học tập tại Trường Mầm non xã V.

Anh T1 Trình bày: Hiện tại anh đang làm công nhân của công ty G, địa chỉ tại thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Thu nhập hàng tháng khoảng 9 triệu đến 10 triệu đồng. Anh đang ở cùng với bố mẹ đẻ tại thị trấn C. Nhà ở hai tầng, diện tích mặt sàn khoảng 100m². Đầy đủ điều kiện cho con chung sinh hoạt và học tập.

HĐXX xét thấy: Chị T và anh T1 đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, cháu Nguyễn Hải Đ còn nhỏ (sinh ngày 13/01/2019), đang học tập tại Trường Mầm non xã V nơi chị T cư trú, chị T có đủ điều kiện cho con chung sinh hoạt và học tập. Để đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục và môi trường sống cho con chung, cần giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Việc chị T tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện, được HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp: Chị T và anh T1 tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn T1.
2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 13/01/2019. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hiện tại con chung Nguyễn Hải Đ đang ở cùng chị T. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004028 ngày 28/05/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND thị trấn Cát Thành;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thái Hà